

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
- VĂN PHÒNG CÔNG TY**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Tháng 8 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên
Ông Trần Lê Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lạc Thái Phước	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/7/2023)
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ tên

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Ông Lạc Thái Phước

Chức vụ

Chủ tịch
Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/7/2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Số: 269/VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Văn phòng Công ty (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 11/8/2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Văn phòng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 28, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về các khoản nợ tiềm tàng của Văn phòng Công ty. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.851.865.681	155.034.499.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.751.232.871	16.377.610.238
1. Tiền	111		1.751.232.871	9.377.610.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	220.790.000	220.790.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.069.643.740	120.234.219.999
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	80.010.358.831	132.679.465.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.761.943.000	1.045.019.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		15.754.919.952	13.108.033.996
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.859.980.690	3.722.827.049
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(28.317.558.733)	(30.321.126.434)
IV. Hàng tồn kho	140	9	23.096.682.629	16.861.683.120
1. Hàng tồn kho	141		23.096.682.629	16.861.683.120
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.713.516.441	1.340.195.831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.077.139.743	563.719.951
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	636.376.698	776.475.880
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.549.649.881	123.049.090.919
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		51.430.424.483	55.310.523.058
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	37.948.553.309	41.828.651.884
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		12.998.871.174	12.998.871.174
3. Phải thu dài hạn khác	216	7	483.000.000	483.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.393.160.368	11.985.738.443
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.495.937.261	5.137.042.828
- Nguyên giá	222		31.599.289.769	31.216.289.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.103.352.508)	(26.079.246.941)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	6.897.223.107	6.848.695.615
- Nguyên giá	228		18.900.247.141	18.576.247.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.003.024.034)	(11.727.551.526)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	291.600.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	291.600.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	53.150.000.000	53.150.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.576.065.030	2.311.229.418
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.576.065.030	2.155.932.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	155.297.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		229.401.515.562	278.083.590.107

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92.110.032.519	136.985.602.271
I. Nợ ngắn hạn	310		92.110.032.519	136.985.602.271
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.891.191.672	2.816.737.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	26.295.072.714	24.191.225.609
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	165.487.412	2.206.265.717
4. Phải trả người lao động	314		10.020.043.974	23.363.885.977
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.696.363.636	2.487.480.758
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		33.617.695.475	44.460.880.191
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.351.195.159	13.514.449.008
8. Vay ngắn hạn	320	16	6.193.359.370	19.330.354.731
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.879.623.107	4.614.323.107
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.291.483.043	141.097.987.836
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	137.291.483.043	141.097.987.836
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	95.173.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.173.030.000	95.173.030.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.082.000.000	25.116.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.036.593.043	20.809.097.836
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.104.829.330	1.874.106.297
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.068.236.287)	18.934.991.539
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		229.401.515.562	278.083.590.107



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.104.565.975	119.361.546.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.773.897	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	47.096.792.078	119.361.546.781
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	34.379.398.435	87.741.073.983
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.717.393.643	31.620.472.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	299.728.310	688.100.878
7. Chi phí tài chính	22	24	902.651.694	263.893.543
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		302.773.236	250.644.575
8. Chi phí bán hàng	25	25	4.358.970.168	9.021.318.973
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9.352.615.298	14.720.068.653
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.597.115.207)	8.303.292.507
11. Thu nhập khác	31		628.028.476	165.000.000
12. Chi phí khác	32		504.276.311	174.978.344
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		123.752.165	(9.978.344)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.473.363.042)	8.293.314.163
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	439.575.893	1.765.684.688
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	155.297.352	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.068.236.287)	6.527.629.475



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.473.363.042)	8.293.314.163
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	299.578.075	1.005.263.996
- Các khoản dự phòng	03	(2.003.567.701)	(335.886.075)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(28.769.775)	(96.074.717)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(262.316.825)	(577.938.931)
- Chi phí lãi vay	06	302.773.236	250.644.575
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.165.666.032)	8.539.323.011
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	51.326.220.673	35.136.433.796
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.234.999.509)	(4.145.013.261)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(39.190.032.082)	(67.095.769.131)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	66.447.244	(23.277.196)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(302.773.236)	(250.644.575)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(299.476.711)	(3.787.695.026)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.423.700.000)	(896.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	776.020.347	(32.523.342.382)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(415.400.000)	(218.581.821)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	795.021.053
3. Tiền thu hồi cho vay	24	-	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	261.319.103	614.172.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.080.897)	5.190.611.496
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.620.854.743	25.740.814.164
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.882.092.731)	(15.762.399.741)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33.267.000)	(66.341.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.294.504.988)	9.912.073.183
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.672.565.538)	(17.420.657.703)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.377.610.238	33.684.557.590
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	46.188.171	69.955.908
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.751.232.871	16.333.855.795



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 14 ngày 10/7/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2023 là 264 người (tại ngày 31/12/2022 là 273 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Văn phòng Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phân điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: Đề bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập riêng cho Văn phòng của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (tại số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh). Mặc dù Văn phòng Công ty không phải một pháp nhân độc lập thuộc đối tượng phải lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo luật định; tuy nhiên, theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 6 năm 2020 Công ty đã lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Văn phòng Công ty và gọi chung là (“Báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)

Đồng thời, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng cũng được lập và phát hành cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp toàn Công ty, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính giữa niên độ nên đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp toàn Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây), Văn phòng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Văn phòng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Văn phòng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Văn phòng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Văn phòng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí phần mềm: Chi phí phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa Văn phòng Công ty và đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông. Phân phối lợi nhuận của được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty TNHH VP INVEST
Ông Trần Quốc Điền
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn
Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cùng tập đoàn
Quản lý chủ chốt

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ Tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, do đó Văn phòng Công ty không trình bày thông tin giao dịch với Bên liên quan trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	32.236.408	66.111.436
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.718.996.463	9.311.498.802
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	7.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
Cộng	<u>10.751.232.871</u>	<u>16.377.610.238</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	1.243.730.700	-	220.790.000	1.206.365.400	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.243.730.700	-	220.790.000	1.206.365.400	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.150.000.000		-	53.150.000.000		-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	7.434.000.000	-	3.150.000.000	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Cộng	53.370.790.000		-	53.370.790.000		-

- i. Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Văn phòng Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30/6/2023.
- ii. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Văn phòng Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 30/6/2023.
- iii. Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Văn phòng Công ty là 10% tổng vốn điều lệ.
- (*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Văn phòng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tư hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	80.010.358.831	132.679.465.588
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	8.854.506.403	29.161.187.150
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.378.449.364	19.377.919.364
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.421.049.102	10.484.654.371
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	6.625.649.881	7.356.197.179
Các khách hàng khác	40.730.704.081	66.299.507.524
b) Dài hạn	37.948.553.309	41.828.651.884
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.830.765.655	10.965.966.747
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.340.452.582	7.469.484.625
Các khách hàng khác	19.777.335.072	23.393.200.512
Cộng	<u>117.958.912.140</u>	<u>174.508.117.472</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.859.980.690	3.722.827.049
Tạm ứng cho nhân viên	4.583.816.522	2.921.672.453
Khác	276.164.168	801.154.596
b) Dài hạn	483.000.000	483.000.000
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	483.000.000
Cộng	<u>5.342.980.690</u>	<u>4.205.827.049</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3 - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2	19.378.449.364	6.092.054.819	(13.286.394.545)	19.377.919.364	6.091.895.819	(13.286.023.545)
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	9.538.527.272	4.076.263.636	(5.462.263.636)	9.538.527.272	5.752.969.090	(3.785.558.182)
Công ty Cổ phần Thủy điện Thiên Tân	-	-	-	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	-	(1.391.554.962)	1.391.554.962	-	(1.391.554.962)
Ban QLDA Điện lực miền Nam	349.076.408	-	(349.076.408)	349.076.408	-	(349.076.408)
Các khách hàng khác	12.002.785.115	4.174.515.933	(7.828.269.182)	10.008.172.042	3.599.674.551	(6.408.497.491)
Cộng	42.660.393.121	14.342.834.388	(28.317.558.733)	45.765.665.894	15.444.539.460	(30.321.126.434)

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.942.803	-	68.580.649	-
Công cụ, dụng cụ	4.800.891	-	1.782.508	-
Chi phí SXKD dở dang	23.000.938.935	-	16.791.319.963	-
Cộng	23.096.682.629	-	16.861.683.120	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.077.139.743	563.719.951
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.578.422	37.830.445
Chi phí phần mềm	1.064.561.321	525.889.506
b) Dài hạn	1.576.065.030	2.155.932.066
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.552.388.280	1.761.791.802
Chi phí phần mềm	23.676.750	394.140.264
Cộng	2.653.204.773	2.719.652.017

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã nộp/thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	776.475.880	439.575.893	(299.476.711)	636.376.698
Cộng	776.475.880	439.575.893	(299.476.711)	636.376.698
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.134.583.885	1.211.321.878	(3.246.046.066)	99.859.697
Thuế thu nhập cá nhân	71.681.832	6.718.627.401	(6.724.681.518)	65.627.715
Các loại thuế, phí khác	-	306.401.081	(306.401.081)	-
Cộng	2.206.265.717	8.236.350.360	(10.277.128.665)	165.487.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	10.831.097.465	1.433.020.479	12.430.212.993	6.521.958.832	31.216.289.769
- Mua trong kỳ	-	-	-	383.000.000	383.000.000
Số cuối kỳ	10.831.097.465	1.433.020.479	12.430.212.993	6.904.958.832	31.599.289.769
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	7.956.724.317	950.881.293	11.220.446.293	5.951.195.038	26.079.246.941
- Khấu hao trong kỳ	316.726.104	90.737.544	131.741.700	165.939.591	705.144.939
- Giảm khác (i)	(681.039.372)	-	-	-	(681.039.372)
Số cuối kỳ	7.592.411.049	1.041.618.837	11.352.187.993	6.117.134.629	26.103.352.508
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	2.874.373.148	482.139.186	1.209.766.700	570.763.794	5.137.042.828
Số cuối kỳ	3.238.686.416	391.401.642	1.078.025.000	787.824.203	5.495.937.261

- (i) Văn phòng Công ty điều chỉnh giảm khấu hao tài sản cố định hữu hình trong kỳ theo Tờ trình số 1004/TVĐ3-KT ngày 03/4/2023 của Quyền Tổng Giám đốc - Ông Lạc Thái Phước.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2023 là 10.701.138.724 VND (tại ngày 31/12/2022 là 10.701.138.724 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	8.511.569.480	10.064.677.661	18.576.247.141
- Mua trong kỳ	-	324.000.000	324.000.000
Số cuối kỳ	<u>8.511.569.480</u>	<u>10.388.677.661</u>	<u>18.900.247.141</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	2.034.286.965	9.693.264.561	11.727.551.526
- Khấu hao trong kỳ	86.223.048	189.249.460	275.472.508
Số cuối kỳ	<u>2.120.510.013</u>	<u>9.882.514.021</u>	<u>12.003.024.034</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>6.477.282.515</u>	<u>371.413.100</u>	<u>6.848.695.615</u>
Số cuối kỳ	<u>6.391.059.467</u>	<u>506.163.640</u>	<u>6.897.223.107</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2023 là 9.210.364.911 VND (tại ngày 31/12/2022 là 8.664.442.911 VND).

Văn phòng Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2023 là 2.596.218.585 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 16).

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	6.071.012.235	6.292.089.514
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.383.988.976	3.926.259.367
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.643.296.734	3.804.770.490
Khác	12.196.774.769	10.168.106.238
Cộng	<u>26.295.072.714</u>	<u>24.191.225.609</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	895.038.480	596.358.900
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	499.562.985	525.975.885
Phải trả cổ tức cho cổ đông	769.762.875	803.029.875
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	2.483.539.959	7.704.300.039
Chi phí công trình phải trả	382.765.929	3.869.784.309
Khác	320.524.931	15.000.000
Cộng	<u>5.351.195.159</u>	<u>13.514.449.008</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	6.614.639.723	6.614.639.723	8.620.854.743	(9.492.466.239)	5.743.028.227	5.743.028.227
Cán bộ công nhân viên (ii)	12.715.715.008	12.715.715.008	-	(12.265.383.865)	450.331.143	450.331.143
Cộng	19.330.354.731	19.330.354.731	8.620.854.743	(21.757.850.104)	6.193.359.370	6.193.359.370

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143.
- (ii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Văn phòng Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Văn phòng Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31/3/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	82.760.800.000	(140.000)	19.072.000.000	22.447.378.819	124.280.038.819
- Lãi trong năm - Văn phòng	-	-	-	18.692.655.357	18.692.655.357
- Chuyển lợi nhuận từ Xí Nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện về Văn phòng Công ty	-	-	-	608.957.478	608.957.478
- Chuyển lợi nhuận từ Chi nhánh Miền Trung về Văn phòng Công ty	-	-	-	242.336.182	242.336.182
- Chia lợi nhuận	12.412.230.000	-	-	(12.412.230.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành	-	-	-	(2.726.000.000)	(2.726.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	6.044.000.000	(6.044.000.000)	-
Số dư đầu năm nay	95.173.030.000	(140.000)	25.116.000.000	20.809.097.836	141.097.987.836
- Lãi trong năm - Văn phòng Công ty	-	-	-	(2.068.236.287)	(2.068.236.287)
- Chuyển lợi nhuận từ Xí Nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện về Văn phòng Công ty	-	-	-	950.731.494	950.731.494
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành (i)	-	-	-	(2.689.000.000)	(2.689.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	5.966.000.000	(5.966.000.000)	-
Số dư cuối kỳ này	95.173.030.000	(140.000)	31.082.000.000	11.036.593.043	137.291.483.043

(i) Văn phòng Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 135/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 22/6/2023.

Trong kỳ, Văn phòng Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 33.267.000 VND (kỳ trước là 66.341.240 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303		8.276.080	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303		8.276.080	
- Cổ phiếu phổ thông	9.517.303		8.276.080	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14		14	
- Cổ phiếu phổ thông	14		14	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289		8.276.066	
- Cổ phiếu phổ thông	9.517.289		8.276.066	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000		10.000	

Vốn điều lệ

Tại ngày 30/6/2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	48,78%	46.427.040.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	13.111.050.000	13,78%	11.904.800.000	12,51%
Ông Trần Quốc Điền	5.335.500.000	5,61%	5.335.500.000	5,61%
Cổ đông khác	30.299.300.000	31,83%	31.505.550.000	33,10%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
Tổng cộng	95.173.030.000	100,00%	95.173.030.000	100,00%

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	25.443,51	10.005,58
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.018,84	2.029,40

19. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Văn phòng Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Văn phòng Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	47.104.565.975	119.361.546.781
Cộng	47.104.565.975	119.361.546.781
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.773.897	-
Giảm giá dịch vụ	7.773.897	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.096.792.078	119.361.546.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	34.379.398.435	87.741.073.983
Cộng	<u>34.379.398.435</u>	<u>87.741.073.983</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.320.334	114.369.689
Chi phí nhân công	16.524.166.862	47.569.139.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	299.578.075	1.005.263.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.734.790.540	51.061.767.109
Chi phí khác	13.611.314.763	15.822.417.402
Cộng	<u>56.304.170.574</u>	<u>115.572.958.101</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	262.316.825	182.870.431
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	395.068.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	37.411.485	110.161.947
Cộng	<u>299.728.310</u>	<u>688.100.878</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	302.773.236	250.644.575
Chi phí bảo lãnh	590.088.705	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.789.753	13.248.968
Cộng	<u>902.651.694</u>	<u>263.893.543</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	282.480.900	2.575.588.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841.291.051	1.678.625.036
Chi phí khác	3.235.198.217	4.767.105.209
Cộng	<u>4.358.970.168</u>	<u>9.021.318.973</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	2.077.423.739	5.057.208.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	(76.150.629)	500.268.690
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.003.567.701)	(335.886.075)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.859.396.642	6.644.332.969
Chi phí khác	3.495.513.247	2.854.144.469
Cộng	9.352.615.298	14.720.068.653

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kê toán trước thuế - Văn phòng	(1.473.363.042)	8.293.314.163
Lợi nhuận kê toán trước thuế - Xí Nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	(872.960.988)	834.575.172
Lợi nhuận kê toán trước thuế - Chi nhánh miền Trung	33.615.742	119.677.320
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	371.934.637	72.000.000
Thù lao HĐQT không chuyên trách	18.000.000	72.000.000
Tiền chậm nộp thuế	353.934.637	-
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	(28.769.775)	(491.143.217)
Lợi nhuận cốt tủy được chia	-	(395.068.500)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối kỳ này	(28.769.775)	(96.074.717)
Thu nhập chịu thuế	(1.969.543.426)	8.828.423.438
Thu nhập tính thuế	-	8.828.423.438
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.765.684.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	439.575.893	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	439.575.893	1.765.684.688

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	155.297.352	-
Cộng	155.297.352	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty; do đó, Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bỏ sung số 49A/TB-TA ngày 28/6/2021, trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16/12/2021, trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02/11/2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11/7/2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ Hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26/7/2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & Công ty, do vậy Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra Công ty cũng đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Văn phòng Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHD-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 457.000.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Văn phòng Công ty chưa ký Phụ lục Hợp đồng gia hạn, do đó Văn phòng Công ty thực hiện trích trước chi phí theo mức phí thuê năm 2022.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	5.484.000.000	5.484.000.000
Cộng	5.484.000.000	5.484.000.000

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 20/7/2023, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 169/NQ-HĐQT-TVĐ3 về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% (01 cổ phiếu nhận 500 VND). Ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức là 08/12/2023 và thời gian thực hiện chi trả là ngày 15/12/2023.



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2752/TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại điểm 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên đã được soát xét và báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước:

So sánh kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2023 và cùng kỳ năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2022	6 tháng năm 2023	Chênh lệch	So sánh (%)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e=d-c</i>	<i>f=e:c</i>
I	Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên				
1	Doanh thu thuần	119.361.546.781	47.096.792.078	-72.264.754.703	-60,54%
2	Lợi nhuận sau thuế	6.527.629.475	-2.068.236.287	-8.595.865.762	-131,68%
II	Báo cáo tài chính tổng hợp				
1	Doanh thu thuần	119.629.997.996	48.010.652.642	-71.619.345.354	-59,87%
2	Lợi nhuận sau thuế	7.481.881.967	-2.907.581.533	-10.389.463.500	-138,86%

Lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2023 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là: Doanh thu thuần giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lạc Thái Phước

Số: 2791/TVĐ3-VP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TV3
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 2221 0973 Fax: (028) 3930 7938
- Email: pecc3@pecc3.com.vn Website: pecc3.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2023
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên đã được soát xét năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên đã được soát xét năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2023 tại đường dẫn: <https://www.pecc3.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong 6 tháng đầu năm 2023: Không.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2023;

- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp.

Đại diện tổ chức
 Người UQCBTT

 Nguyễn Văn Long